

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7760101

Hà Nội, 2019

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi.....	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học.....	10
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	11
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs)	12
1.9. Các phương pháp đánh giá (AMs)	17
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs).....	21
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	65
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	65
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	65
2.3. Danh sách học phần	68
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .	74
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	80
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra .	86
2.7. Tiến trình giảng dạy	92
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần	95
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	110
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	115

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội nhằm đào tạo Cử nhân Công tác xã hội có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động Công tác xã hội.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội

Tên chương trình đào tạo	Công tác xã hội (social work)
Mã ngành đào tạo	7760101
Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Tên gọi văn bằng	Cử nhân công tác xã hội
Trường cấp bằng	Trường Đại Học Lao động – Xã hội
Khoa quản lý	Công tác xã hội
Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	
Ban hành	Quyết định số 1528/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 05 tháng 8 năm 2019

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Công tác xã hội

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ,	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực công tác xã hội và tâm lý học; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
	hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Xã hội và đất nước.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa công tác xã hội là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường Đại học Lao động - Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực công tác xã hội và tâm lý học. Đến năm 2030, Khoa công tác xã hội phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành công tác xã hội uy tín và tốt nhất Việt Nam.
Giá trị cốt lõi	• Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập	Chuyên nghiệp: nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp. Sáng tạo: phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh. Hội nhập: Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1 Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành công tác xã hội được xây dựng nhằm cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực công tác xã hội có đủ năng lực đảm nhận các vị trí nhân viên và lãnh đạo liên quan tới các lĩnh vực về nghề công tác xã hội ở các cấp độ và trong các môi trường khác nhau.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh;

PO2: Đào tạo người học nắm vững các khối kiến thức nền tảng về luật pháp chính sách, hành vi con người và môi trường xã hội, các kiến thức liên quan tới tâm lý học, xã hội học, an sinh xã hội làm cơ sở để triển khai các khối kiến thức chuyên ngành;

PO3: Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, giảng dạy, nghiên cứu, triển khai các chương trình dự án, thực thi và biện hộ đề xuất chính sách...;

PO4: Đào tạo người học có năng lực ứng dụng kiến thức chuyên ngành của CTXH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ CTXH cho các cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ

PO5: Đào tạo người học có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội;

PO6: Đào tạo người học có các kỹ năng sống, các nhóm kỹ năng mềm, kỹ năng tham vấn, kỹ năng thiết lập mối quan hệ và kỹ năng can thiệp hiệu quả với các nhóm đối tượng cần sự hỗ trợ khác nhau;

PO7: Đào tạo người học có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm việc nhuần nhuyễn khi làm việc với cộng đồng, các cơ quan tổ chức ban ngành đoàn thể trong xã hội nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho đối tượng;

PO8: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của nghề và đầy đủ sức khỏe để làm việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động thuộc chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể;

PO9: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh.

PLO2: Nhận biết, và hiểu được các kiến thức về cơ sở ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học... để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức chuyên ngành;

PLO3: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về hành vi con người

và môi trường xã hội, các kiến thức nền tảng liên quan tới tâm lý học làm cơ sở để vận dụng vào can thiệp và hỗ trợ đối tượng

PLO4: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về, xã hội học, an sinh xã hội cũng như phân tích hoạch định chính sách để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới CTXH và ASXH;

PLO5: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ công tác xã hội, nghiên cứu công tác xã hội, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;

PLO6: Phân tích và xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của CTXH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ CTXH và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;

PLO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung;

PLO8: Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;

PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình

PLO10: Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu;

PLO11: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm việc nhuần nhuyễn khi làm việc với cộng đồng, các cơ quan tổ chức ban ngành đoàn thể trong xã hội nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho đối tượng;

PLO12: Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH;

PLO13: Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.

PLO14: Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ.

PLO15: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy

chúng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

PLO 16: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu (POs)	PLOs															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
PO1	X						X	X	X				X	X	X	X
PO2		X					X									X
PO3		X	X	X	X	X	X		X	X	X	X				X
PO4		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				X
PO5	X	X		X	X	X	X	X	X				X	X	X	
PO6	X		X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X	
PO7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
PO8	X		X						X				X	X	X	X
PO9			X	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X	X

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTDT ngành CTXH đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh.	K2	4
PLO2: Nhận biết, và hiểu được các kiến thức về cơ sở ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học... để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức chuyên ngành;	K1,4+S3	5
PLO3: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về hành vi con người và môi trường xã hội, các kiến thức nền tảng liên quan tới tâm lý học làm cơ sở để vận dụng vào can thiệp và hỗ trợ đối tượng;	S3	5

PLO4: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về, xã hội học, an sinh xã hội cũng như phân tích hoạch định chính sách để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới CTXH và ASXH;	C1+S4	5
PLO5: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ công tác xã hội, nghiên cứu công tác xã hội, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;	S6	4
PLO6: Phân tích và xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của CTXH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ CTXH và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;	S3	4
PLO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung;	S1	4
PLO8: Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;	C1	4
PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình	K5	4
PLO10: Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu;	K4+S3	5
PLO11: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm việc nhuần nhuyễn khi làm việc với cộng đồng, các cơ quan tổ chức ban ngành đoàn thể trong xã hội nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho đối tượng;	S3	5
PLO12: Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH;	C1+S4	5

PLO13: Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.	S6	4
PLO14: Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ.	C1	4
PLO15: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	S1	4
PLO16: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương phục vụ cho công việc học tập và rèn luyện	S6	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
- K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

- S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

- C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm

- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý từ cấp Trung ương đến địa phương thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Nhân viên công tác xã hội trong lĩnh vực y tế và bệnh viện, trường học;
- Nhân viên công tác xã hội trong các doanh nghiệp;
- Nhân viên, điều phối viên trong các tổ chức chính trị, xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ...;
- Nhân viên trong lĩnh vực tư pháp;
- Nhân viên công tác xã hội trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội;
- Cán bộ điều tra, nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu;
- Cán bộ, trợ giảng và giảng viên trong các cơ sở giáo dục, các trường đào tạo công tác xã hội;
- Cán bộ dự án, cán bộ điều phối trong các tổ chức quốc tế.

1.6.2. Cơ hội học tập

Có nhiều cơ hội thuận lợi khi đã được đào tạo những kiến thức cơ bản và chuyên ngành để tham gia các khoá học cấp chứng chỉ về công tác xã hội trong bệnh viện, công tác xã hội trong trường học, công tác xã hội với trẻ tự kỷ, công tác xã hội với người tâm

thần, công tác xã hội cấp cao... cũng như các khoá chuyển đổi chức danh nghề nghiệp theo thông tư liên tịch 30/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Có cơ hội học chuyển tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành công tác xã hội cũng như có thể học chuyển đổi sang các ngành gần như Tâm lý học, Xã hội học... tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.7.2 Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động - Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác).

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân
- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs)

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học

chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

- **Tham luận (Guest Lecture):** Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gọi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gọi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động đi thực tế, thực hành tại các cơ cung cấp dịch vụ xã hội, các trung tâm bảo trợ xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư ... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các kỹ năng và kinh nghiệm đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với người cùng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tính hướng. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề** (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống** (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm** (Teamwork Learning): Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành CTXH sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham

khảo được cập nhập hỗ trợ hữu ích cho người học

- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành CTXH.

1.8.7. Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành CTXH áp dụng chủ yếu là bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Dạy học trực tiếp																
TLM 1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM 2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM 3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x	x	x				x				
TLM 4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm																
TLM 5	Trò chơi (Game)	x	x	x	x	x	x										
TLM 6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
TLM 7	Thảo luận (Discussion)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x				
III	Dạy kỹ năng tư duy																
TLM 8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		x
TLM 9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
IV	Dạy học tương tác																
TLM 10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x		x	x	x		x	x	x		x				x
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy																
TLM 11	Nghiên cứu độc lập	x	x		x	x	x		x	x	x		x				
TLM 12	Dự án nghiên cứu (Research Project)	x	x		x	x	x		x	x	x		x				x
TLM 13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	x	x		x	x	x		x	x	x		x				
VI	Dạy học dựa vào công nghệ																
TLM 14	Học trực tuyến (E-	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Learning)																
VII	Tự học																
TLM 15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x				

1.9. Các phương pháp đánh giá (AMs)

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên lên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiên hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric

tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập** (Work Assignment):

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được.

1.9.2 Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam):

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple Choice Exam):

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam):

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo** (Written Report):

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả

nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lý, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (graduation report, Thesis):**

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, Formative Assessment)																
AMI	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bao vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
AM7	Viết báo cáo (Written Report)					x	x	x	x	x			x			x	

AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		
AM9	Thực hành (Practice)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục công dân và quốc phòng – an ninh	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10,	AM1, AM2, AM3, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM15	
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	TLM2, TLM7, TML9, TML10	AM1, AM5, AM7
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
PLO2: Nhận biết và hiểu được các kiến thức về cơ sở ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học... để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức chuyên ngành	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	TLM1, TLM9, TLM4, TLM2, TLM10	AM1, AM4
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghệ vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8,	AM1, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM9, TML10, TLM15	
	BOC21421T	Bóngchuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM8, TLM10, TLM15	
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
PLO3: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về hành vi con người và môi trường xã hội, các kiến thức nền tảng liên quan tới tâm lý học làm cơ sở để vận dụng vào can thiệp và hỗ trợ đối tượng;	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3,	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM7, AM8, AM9
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
PLO4: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về, xã hội học, an sinh xã hội cũng như phân tích hoạch định chính sách để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới CTXH và ASXH	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSXH0322L	Chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2+AM3, AM4, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	GDHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4, AM8
	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
PLO5: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ công tác xã hội, nghiên cứu công tác xã hội, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		hưởng bởi HIV/AIDS	TLM7, TLM9, TLM15	AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM5,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
PLO6: Phân tích và xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của CTXH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ CTXH và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2,TLM4,TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM15	AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1,AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		xã hội	TLM7, TLM9, TLM15	AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
PLO7: Có kỹ năng về tư duy khoa học, độc lập, chủ động, sáng tạo, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung;	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM15	AM5, AM8
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSXH0322L	Chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2+AM3, AM4, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2,TLM4,TLM7,TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM4, AM8
	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			7, TLM15	AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	PTCD0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	THML0723H	Triết học Mác – Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM15	
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	NVBH0422H	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
PLO8: Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục, truyền thông, phát triển xã hội, cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2+AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	XHVV0322L	Xã hội học văn hóa	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM5, TLM7, TLM15	AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia	TLM1, TLM2, TLM6,	AM1, AM2, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		đình	TLM15	
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8,	AM1, AM2, AM3, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM9, TML10, TLM15	
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng.	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6,	AM1, AM10

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	NVBH0422H	Nghịệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
PLO10: Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
nhu cầu;	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
PLO11: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm nhuần nhuyễn khi làm việc với cộng đồng, các bên liên quan, các cơ quan tổ chức ban ngành đoàn thể trong xã	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
hội nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho đối tượng;	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1,AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	
	NVBH0422H	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PTCD0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
PLO12: Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH và những lĩnh vực có liên quan.	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM15	
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	PTCD0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM3, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO13: Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.			TLM7, TLM15	
	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSXH0322L	Chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2+AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM5, TLM7, TLM15	AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKCD0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PTCD0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM1, AM10
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TDDK1421T	Thử dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8,	AM1, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM9, TML10, TLM15	
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		cộng sản Việt Nam	TLM7	
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	TLM2, TLM7, TML9, TML10	AM1, AM5, AM7
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
PLO14: Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc, say mê, yêu nghề, luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp và với ngành nghề mình phục vụ	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2,TLM4,TLM7,TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM4, AM8
	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		thần	TLM7, TLM15	AM8
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TLM11, TLM15	AM10
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM15	AM7, AM8
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	TLM2, TLM7, TML9, TML10	AM1, AM5, AM7
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO15: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	XHVV0322L	Xã hội học văn hóa	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4
	CSXH0322L	Chính sách xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4
	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2+AM3, AM4, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CN0323T	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM7, AM8, AM9
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	TLM1, TLM6, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	MTXH0323H	Ma túy xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM7, TLM15	AM7, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM9
	THML0723H	Triết học Mác – Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	TLM2, TLM4, TLM7, TLM12, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
			TLM15	
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NVBH0422H	Nghệ vụ bảo hiểm xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân	TLM2, TLM7, TML9,	AM1, AM5, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		đội và công an	TML10	
	DSMT0222H	Dân số và môi trường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM4, AM5
PLO 16: Người học tốt nghiệp đại học có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương phục vụ cho công việc học tập và rèn luyện.	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15	AM10
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	TLM1, TLM9, TLM4, TLM2, TLM10	AM1, AM4

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	30	24.8
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	19	15.7
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	30	24.8
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19.8
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5.8
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9.1
1.4.3	Pháp luật	2	1.7
1.4.4	Tin học	4	3.3
1.5	Kiến thức khác ngành	10	8.3
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	6.6
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	6.6
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (30 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về tâm lý học, xã hội học, hành vi con người và môi trường xã hội...
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về đại cương văn hóa Việt Nam, giới và phát triển, các kiến thức luật pháp.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản trong an sinh xã hội, trợ giúp xã hội,

ưu đãi xã hội, chính sách xã hội,.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (19 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về nhập môn CTXH
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về lý thuyết CTXH
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Phương pháp nghiên cứu trong CTXH
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về CTXH cá nhân và gia đình
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về CTXH nhóm
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về PTCD

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (30 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Thực hành tham vấn cơ bản, Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình, Thực hành Công tác xã hội nhóm, Thực hành Phát triển cộng đồng.
- Kiến thức chuyên sâu về CTXH: công tác xã hội trong các lĩnh vực đặc thù như: CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình, Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần, Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, CTXH với NCT, ma túy xã hội...
- Kiến thức chuyên sâu về Công tác xã hội trong các lĩnh vực đặc thù khác như: Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy, Công tác xã hội với người khuyết tật, Công tác xã hội trong bệnh viện, Công tác xã hội trong trường học.
- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (24 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội, các vấn đề xã hội đang diễn ra.

- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.
- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.
- Kiến thức, kỹ thuật để thiết kế và phát triển dự án PTCĐ. Qua đó hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (10 tín chỉ)

- Ứng dụng kiến thức nền tảng và hiện đại về kế toán quản trị nhằm cung cấp cơ hội nghề nghiệp rộng hơn cho người học cũng như phục vụ cho việc tiếp cận thêm lĩnh vực kế toán trong quá trình tổ chức quản trị hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH.
- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động công tác xã hội.

2.2.6. Kiến thức đại cương khác (8 tín chỉ):

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)															
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	30	24,8		H		M							M			M	M	M
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	19	15,7			M	M	L	L	M	M	M	M				M		
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	30	24,8	M	M		H	H	H	H	M	H		H	M	M	H	H	H
4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,8	H	H		H	M	M						H	H	H	M	H
5	Kiến thức khác ngành	10	8,3		M				H	M	M								
6	Kiến thức đại cương khác	8	6,6			H						M	H	M	M	H		M	M

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành CTXH

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				30						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			28						
1.1.1.1	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	Organizing mass cultural activities and media	2	1	1				
1.1.1.2	GVPT0322H	Giới và phát triển	Gender and Development	2	1	1				
1.1.1.3	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	General knowledge of Vietnamese culture	2	2	0				
1.1.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	Human behavior and social environment	3	2	1				
1.1.1.5	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2	0				
1.1.1.6	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	Social psychology	2	2	0				
1.1.1.7	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	Introduction to Social Security	2	1	1				
1.1.1.8	CSXH0322L	Chính sách xã hội	Social policies	2	2	0				
1.1.1.9	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	Social assistance	3	2	1			ASXH0322H	
1.1.1.10	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	Policies for veterans and people with meritorious	3	2	1			CSXH0322L	

			services to the country							
1.1.1.11	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	General sociology	2	2	0				
1.1.1.12	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	Specialized sociology	3	2	1			XHĐC0322L	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/7)			2						
1.1.2.1	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	Law of social issues	2	1	1			PLĐC1022H	
1.1.2.2	GĐHO0322L	Gia đình học	Family Studies	2	2	0				
1.1.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	Sociological survey	2	1	1				
1.1.2.4	XHVH0322L	Xã hội học văn hóa	Cultural sociology	2	2	0				
1.1.2.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	Life skills	2	1	1				
1.1.2.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	1	1				
1.1.2.7	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Social health care	2	1	1				
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				19						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			19						
1.2.1.1	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	Introduction to Social Work	2	1	1				
1.2.1.2	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	Theory of Social Work	2	2	0			NMCT0322H	
1.2.1.3	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	Research Methods in Social Work	2	1	1			NMCT0322H	

1.2.1.4	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Personal and family social work	3	2	1			NMCT0322H	
1.2.1.5	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	Group social work	3	2	1			NMCT0322H	
1.2.1.6	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	Community development	3	2	1			NMCT0322H	
1.2.1.7	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	Basic Counseling	2	1	1			NMCT0322H	
1.2.1.8	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	Social Work Administration	2	1	1			NMCT0322H	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				30						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			11						
1.3.1.1	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	Practicum of Basic Counselling	2	0	2			TVCB0322H	
1.3.1.2	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Practicum of social work with individual and family	3	0	3			CNGĐ0323H	
1.3.1.3	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	Practicum of social work with group	3	0	3			CTXN0323H	
1.3.1.4	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	Practicum of Community Development	3	0	3			PTCĐ0323H	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 3/7)			9						
1.3.2.1	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Social work with children in special circumstances	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.2.2	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	Social work in domestic violence prevention	3	2	1			NMCT0322H	

1.3.2.3	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Social work in mental health care	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.2.4	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Social work with people infected and affected by HIV / AIDS	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.2.5	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	Social work with the Elderly	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.2.6	MTXH0323H	Ma túy xã hội	Social drugs	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.2.7	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	Stress Management for Social Workers	3	2	1			NMCT0322H	
1.3.3	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4	T1CN0323T TT1N0323T T1CD0323T	
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	6				6	TTCK0124T	
1.3.4.2	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	Case management with drug addicts	3	2	1			TTCK0124T	
1.3.4.2	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	Social work with the disabled	3	2	1			TTCK0124T	
1.3.4.3	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	Social work in the hospital	3	2	1			TTCK0124T	
1.3.4.4	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	Social work in schools	3	2	1			TTCK0124T	

1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2	0				
1.4.1.2	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Analytics with SPSS	2	0	2			TCB21222H	
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Probability and Statistics	3	3	0				
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	2	1				
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	1	1			THML0723H	
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	1	1			THML0723H	
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	1	1			TTCM0722H	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	1	1			THML0723H KTCT0722H	
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	1	1				
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	1	1				
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	1	1			TCB11222H	
1.5 Kiến thức khác ngành				4						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2	0				
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận	Scientific research	2	2	0				

		ngiên cứu khoa học	methodology							
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2	0			THML0723H	
1.5.1.4	NVBH0422H	Nghệp vụ Bảo hiểm xã hội	Professional Social Insurance	2	2	0				
1.5.2.	Các học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.2.1	DSMT0222H	Dân số và môi trường	Population and environment	2	2	0				
1.5.2.2	TKXH1322H	Thống kê xã hội	Social statistics	2	2	0				
1.5.2.3	LSTG0322L	Lịch sử Văn Minh Thế giới	World civilization history	2	2	0				
1.5.2.4	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	Health Insurance	2						
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	1	1				
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	2	1			TAC10622H	
1.6.1.3	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	English for social work	3	2	1			TAC20623H	
1.6.2. Giáo dục thể chất (Chọn 3/10)				3						
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1	0	1				
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1	0	1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1	0	1				
1.6.2.4	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1	0	1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1	0	1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1	0	1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1	0	1				
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1	0	1				

1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1	0	1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1	0	1				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist Party	2	2					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	General military, tactics, pistol techniques and grenades using	3	3					
1.6.3.4	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	The communist Party, politics of military and police	1	1					
Tổng cộng				121						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành																	
1.1.1	Các học phần bắt buộc																	

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.1.1.1	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông				IT			ITU						U		U	
1.1.1.2	GVPT0322H	Giới và phát triển				ITU			ITU	ITU					ITU		ITU	
1.1.1.3	NLTK1322H	Đại cương văn hóa Việt Nam				IT			ITU						IU		IU	
1.1.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội			ITU				ITU	ITU					ITU	ITU	ITU	
1.1.1.5	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương			IT				ITU	ITU					TU	TU	IU	
1.1.1.6	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội			IT				ITU	ITU					IU	IU		
1.1.1.7	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội				IT			ITU						TU		TU	
1.1.1.8	CSXH0322L	Chính sách xã hội				IT			TU						U		U	
1.1.1.9	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội				IT			TU						U		U	
1.1.1.10	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội				IT			TU						TU		TU	
1.1.1.11	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương				IT			TU						U		U	
1.1.1.12	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt				IT			TU						TU			
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/7)																	
1.1.2.1	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội		IT			IT		TU	TU				TU	U	U	U	
1.1.2.2	GĐHO0322L	Gia đình học				IT			TU						U		U	
1.1.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học				IT			TU						U		U	
1.1.2.8	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa				ITU			ITU	ITU					IU		IU	
1.1.2.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống			ITU				ITU	ITU					ITU	ITU		
1.1.2.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp			ITU				ITU	ITU					ITU	ITU		
1.1.2.7	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng				IT			ITU						TU		TU	
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi																		
1.2.1	Các học phần bắt buộc																	

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.2.1.1	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội					IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU	
1.2.1.2	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội					IT	IT	ITU		ITU	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU	
1.2.1.3	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội					IT	ITU	ITU	ITU	ITU				ITU	ITU	ITU	
1.2.1.4	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình					IT	IT	ITU	ITU	ITU				ITU	ITU	ITU	
1.2.1.5	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm						TU	TU	TU		TU	TU	TU	ITU	ITU		
1.2.1.6	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng					ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	
1.2.1.7	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản			IT		IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	
1.2.1.8	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội					ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	IU	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																		
1.3.1	Các học phần bắt buộc																	
1.3.1.1	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản			ITU		ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	
1.3.1.2	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình					ITU	ITU		TU	TU		TU	TU	IU	IU		
1.3.1.3	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm					ITU	ITU		ITU		ITU	ITU	ITU	IU	IU		
1.3.1.4	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng					ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 3/7)																	
1.3.2.1	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt					IT	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU			TU		
1.3.2.2	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia					ITU	ITU	TU	TU	TU		TU	TU	IU	IU		

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		đình																
1.3.2.3	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần					IT	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU			TU		
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS					IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU		ITU	ITU	ITU	
1.3.2.5	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi					IT	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU			TU		
1.3.2.6	MTXH0323H	Ma túy xã hội		IT			IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	
1.3.2.7	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội					IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU			ITU	ITU	ITU	
1.3.3	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa			IU		IU	IU		ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	IU	IU		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)																	
1.3.4																		
1.3.4.1	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU		TU	TU	IU	IU		TU
1.3.4.2	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy					ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	
1.3.4.2	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật					IT	ITU		ITU	ITU	ITU	ITU			TU		
1.3.4.3	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện		IT			IT	IT	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	ITU	
1.3.4.4	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học					ITU	ITU		TU	TU	TU	TU	TU	IU	IU		
1.4 Kiến thức nền tảng rộng																		
1.4.1 Khoa học tự nhiên	1.4.1 Khoa học tự nhiên																	
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	IT	IT					TU					TU				
1.4.1.2	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu		IT										TU			U	

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		với SPSS																
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	IT	IT					TU					TU	U		U	
1.4.2 Khoa học chính trị																		
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	IT						TU					TU			U	
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	IT				IT							TU			U	
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	IT		IT		IT	IT	TU				TU		U	U	U	
1.4.2.8	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	IT	IT					TU					TU		U	U	
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	IT						TU					TU	U	U	U	
1.4.3 Pháp luật																		
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		IT			IT		TU	TU		TU			U	U	U	
1.4.4 Tin học																		
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1		TU						U			U		U	U	U	
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2		TU						U			U		U	U	U	
1.5 Kiến thức khác ngành																		
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)																	
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản		IT									TU		U		U	
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH		IT		IT								TU	U	U	U	
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	IT			IT			TU						U	U	U	
1.5.1.4	NVBH0422H	Nghiệp vụ Bảo hiểm xã hội		TU		TU									U		U	
1.5.2.	Các học phần tự chọn (chọn 1/4)																	
1.5.2.1	DSMT0222H	Dân số và môi trường	IT	IT					TU	TU		TU			U		U	
1.5.2.2	TKXH1322H	Thống kê xã hội		IU										TU			U	
1.5.2.3	LSVM0322H	Lịch sử văn minh thế giới				IT			ITU						U		U	
1.5.2.8	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế				IT	TU			U				U	U		U	
1.6 Kiến thức đại cương khác																		

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs															
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1.6.1 Ngoại ngữ																		
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1		IT														U
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2		IT														U
1.6.1.3	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH		IT														U
1.6.2. Giáo dục thể chất (Chọn 3/10)																		
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	IT	IT	IT				TU			TU			U		U	
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	IT	IT						TU					U			
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	IT	IT						TU					U			
1.6.2.8	BORI1421T	Bóng rổ 1	IT	IT						TU					U			
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	IT	IT						TU					U			
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	IT	IT					TU	TU					U			
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	IT	IT					TU	TU					U			
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	IT	IT					TU	TU					U			
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	IT	IT					TU	TU					U			
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	IT	IT					TU	TU					U			
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)																		
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	IT							TU		TU			U	U	U	
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	IT							TU		TU			U	U	U	
1.6.3.3	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	IT							TU		TU			U	U	U	
1.6.3.4	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	IT				IT			TU		TU			U	U	U	

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, u – Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tư duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9		TLM 10	TLM 11	TLM 12		
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành																
1.1.1	Các học phần bắt buộc																
1.1.1.1	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	X	X		X			X								X
1.1.1.2	GVPT0322H	Giới và phát triển		X		X			X		X						X
1.1.1.3	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam		X		X			X		X						X
1.1.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	X	X		X			X								X
1.1.1.5	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X		X			X								X
1.1.1.6	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	X	X		X			X								X
1.1.1.7	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	X	X		X			X								X
1.1.1.8	CSXH0322L	Chính sách xã hội	X	X		X			X								X
1.1.1.9	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	X	X		X			X								X
1.1.1.10	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	X	X		X			X							X	X
1.1.1.11	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương		X		X			X								X
1.1.1.12	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	X	X		X			X		X						X
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/7)																
1.1.2.1	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã	X	X	X	X			X				X	X		X	X

		hội															
1.1.2.2	GĐHO0322L	Gia đình học	X	X		X			X								X
1.1.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học		X		X			X		X						X
1.1.2.8	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa		X		X			X		X						X
1.1.2.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	X	X		X	X		X								X
1.1.2.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X		X			X								X
1.1.2.7	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	X	X		X			X								X
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi																	
1.2.1	Các học phần bắt buộc																
1.2.1.1	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	X	X		X			X								X
1.2.1.2	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	X	X		X			X					X			X
1.2.1.3	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	X	X		X			X		X						X
1.2.1.4	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	X	X	X	X			X		X						X
1.2.1.5	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	X	X		X			X								X
1.2.1.6	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	X	X		X			X								X
1.2.1.7	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	X	X	X	X	X	X	X								X
1.2.1.8	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	X	X		X			X								X
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																	
1.3.1	Các học phần bắt buộc																
1.3.1.1	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	X	X	X	X	X	X	X								X
1.3.1.2	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	X	X					X								X

1.3.1.3	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	X					X									X
1.3.1.4	T1CD0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	X					X									X
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 3/7)																
1.3.2.1	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X	X		X			X								X
1.3.2.2	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	X	X		X			X								X
1.3.2.3	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	X	X		X			X								X
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	X	X		X			X		X						X
1.3.2.5	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	X	X		X			X								X
1.3.2.6	MTXH0323H	Ma túy xã hội	X	X		X			X								X
1.3.2.7	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	X	X		X			X		X						X
1.3.3	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	X	X				X	X				X			X	X
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)																
1.3.4.1	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	X					X					X				X
1.3.4.2	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	X	X		X			X								X
1.3.4.2	CNKT0323H	Công tác xã hội với người	X	X		X			X								X

		khuyết tật															
1.3.4.3	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	X	X		X			X								X
1.3.4.4	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	X	X		X		X	X								
1.4 Kiến thức nền tảng rộng																	
1.4.1 Khoa học tự nhiên																	
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X		X			X	X		X					X
1.4.1.2	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	X			X			X	X							X
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2 Khoa học chính trị																	
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.8	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X		X			X	X		X					X
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X			X			X					X
1.4.3 Pháp luật																	
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		X					X			X	X				
1.4.4 Tin học																	
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	X	X		X			X			X					X
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	X	X		X			X			X					X
1.5 Kiến thức khác ngành																	
1.5.1. Học phần tự chọn (chọn 1/4)																	
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X		X			X	X	X	X					X
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH		X		X			X			X		X			X
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	X	X		X											X
1.5.1.4	NVBH0422H	Nghị vụ Bảo hiểm xã hội	X	X		X											X

1.5.2. Các học phần tự chọn (chọn 1/4)																
1.5.2.1	DSMT0222H	Dân số và môi trường	X	X		X				X		X				X
1.5.2.2	TKXH1322H	Thông kê xã hội	X	X		X				X						X
1.5.2.3	LSVM0322H	Lịch sử văn minh thế giới	X	X		X			X							X
1.5.2.8	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	X	X		X										X
1.6 Kiến thức đại cương khác																
1.6.1 Ngoại ngữ																
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X							X	X	X				
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	X							X	X	X				
1.6.1.3	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	X	X		X					X	X				
1.6.2. Giáo dục thể chất (Chọn 3/10)																
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	X			X			X	X	X	X				X
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.8	BORI1421T	Bóng rổ 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X		X	X		X	X	X	X				X
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	X	X		X			X	X	X	X				X
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)																
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	X	X		X			X							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	X	X		X			X							
1.6.3.3	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	X	X				X	X	X		X				

1.6.3.4	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an		X					X		X	X					
---------	-----------	---	--	---	--	--	--	--	---	--	---	---	--	--	--	--	--

2.6. Ma trận phtrương pháp đánh giá của các học phân nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phân đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành											
1.1.1	Các học phần bắt buộc											
1.1.1.1	VHQC0322H	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	X	X	X	X			X	X		
1.1.1.2	GVPT0322H	Giới và phát triển	X	X	X	X				X		
1.1.1.3	NLTK1322H	Đại cương văn hóa Việt Nam	X	X	X	X	X			X		
1.1.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	X	X	X	X	X			X		
1.1.1.5	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X	X	X	X			X		
1.1.1.6	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	X	X	X	X	X			X		
1.1.1.7	ASXH0322H	Nhập môn An sinh xã hội	X	X		X						
1.1.1.8	CSXH0322L	Chính sách xã hội	X	X		X			X			
1.1.1.9	TGXH0323H	Trợ giúp xã hội	X		X	X						
1.1.1.10	UĐXH0323H	Ưu đãi xã hội	X	X	X	X				X		
1.1.1.11	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	X	X	X	X				X		
1.1.1.12	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	X		X	X			X	X		
1.1.2. Các học phần tự chọn (chọn 1/7)												X
1.1.2.1	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	X	X	X	X				X		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.1.2.2	GDHO0322L	Gia đình học	X		X	X				X		
1.1.2.3	ĐTXH0322H	Điều tra xã hội học	X	X		X				X		
1.1.2.8	XHVVH0322L	Xã hội học văn hóa	X	X	X	X				X		
1.1.2.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	X	X	X	X	X			X		
1.1.2.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X	X	X			X	X		
1.1.2.7	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	X	X	X	X				X		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi												X
1.2.1. Các học phần bắt buộc												X
1.2.1.1	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	X	X	X	X				X		
1.2.1.2	LTCT0322L	Lý thuyết Công tác xã hội	X	X	X	X				X		
1.2.1.3	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	X	X	X	X				X		
1.2.1.4	CNGĐ0323H	Công tác xã hội cá nhân và gia đình		X	X	X				X		
1.2.1.5	CTXN0323H	Công tác xã hội nhóm	X		X	X				X		
1.2.1.6	PTCĐ0323H	Phát triển cộng đồng	X	X	X	X				X		
1.2.1.7	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	X	X	X	X				X		
1.2.1.8	QTCT0322H	Quản trị Công tác xã hội	X	X	X	X				X		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ												
1.3.1	Các học phần bắt buộc											

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.3.1.1	THTV0322T	Thực hành tham vấn cơ bản	X	X	X	X	X		X	X	X	
1.3.1.2	T1CN0323T	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	X	X					X		X	
1.3.1.3	TT1N0323T	Thực hành Công tác xã hội nhóm	X	X					X		X	
1.3.1.4	T1CĐ0323T	Thực hành Phát triển cộng đồng	X	X					X		X	
1.3.2. Học phần tự chọn (chọn 3/7)												
1.3.2.1	CTTE0323H	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X	X	X	X			X	X		
1.3.2.2	CTBL0323H	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	X		X	X			X	X		
1.3.2.3	SKTT0323H	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	X	X	X	X			X	X		
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	X	X	X	X			X	X		
1.3.2.5	CNCT0323H	Công tác xã hội với Người cao tuổi	X	X	X	X			X	X		
1.3.2.6	MTXH0323H	Ma túy xã hội	X	X	X	X			X	X		
1.3.2.7	QLST0323H	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	X	X	X	X			X	X		
1.3.3	TTCK0124T	Thực tập cuối khóa	X									X
1.3.4 Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)												

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.3.4.1	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp										X
1.3.4.2	QLMT0323H	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	X	X	X	X			X	X		
1.3.4.3	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	X	X	X	X			X	X		
1.3.4.4	CTBV0323H	Công tác xã hội trong bệnh viện	X	X	X	X			X	X		
1.3.4.5	CTTH0323H	Công tác xã hội trong trường học	X		X	X			X	X		
1.4 Kiến thức nền tảng rộng												
1.4.1 Khoa học tự nhiên												
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X	X	X				X		
1.4.1.2	SPSS1322T	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	X	X		X					X	
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X	X	X				X		
1.4.2 Khoa học chính trị												
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	X	X		X			X			
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X	X	X			X			
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	X	X	X		X		X			
1.4.2.8	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X		X		X			
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X			X			
1.4.3 Pháp luật												
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	X			X	X					
1.4.4 Tin học												

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	X	X							X	
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	X	X							X	
1.5 Kiến thức khác ngành												
1.5.1. Học phần tự chọn (chọn 1/4)												
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X		X						
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	X	X		X			X			
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	X	X		X						
1.5.1.4	NVBH0422H	Nghiệp vụ Bảo hiểm xã hội	X	X		X	X					
1.5.2. Các học phần tự chọn (chọn 1/4)												
1.5.2.1	DSMT0222H	Dân số và môi trường	X	X		X						
1.5.2.2	TKXH1322H	Thống kê xã hội	X	X		X						
1.5.2.3	LSVM0322H	Lịch sử văn minh thế giới	X	X	X	X	X			X		
1.5.2.8	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	X			X	X					
1.6 Kiến thức đại cương khác												
1.6.1 Ngoại ngữ												
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X				X					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	X				X					
1.6.1.3	TACT0622H	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	X			X						
1.6.2. Giáo dục thể chất (Chọn 3/10)												

TT	Mã học phần	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.6.2.1	TDDK1421T	Thẻ đục - Điền kinh	X	X	X						X	
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X								X	
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X							X	
1.6.2.8	BOR11421T	Bóng rổ 1	X	X							X	
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X	X						X	
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X	X						X	
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X							X	
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	X	X	X			X				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	X	X	X			X				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	X	X	X			X				
1.6.3. Giáo dục an ninh quốc phòng												
1.6.3.1	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	X				X					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	X				X					
1.6.3.3	QSCS1423H	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	X			X	X					
1.6.3.4	CTCT1421H	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	X				X		X			

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7: Tiến trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	30								
1.1.1	Các học phần bắt buộc	28								
1	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	2				2				
2	Giới và phát triển	3				3				
3	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2							
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	3					3			
5	Tâm lý học đại cương	2	2							
6	Tâm lý học xã hội	2			2					
7	Nhập môn An sinh xã hội	3				3				
8	Chính sách xã hội	2			2					
9	Trợ giúp xã hội	3						3		
10	Ưu đãi xã hội	3					3			
11	Xã hội học đại cương	2	2							
12	Xã hội học chuyên biệt	3					3			
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1/7HP)	2								
13	Pháp luật các vấn đề xã hội	2			2					
14	Gia đình học	2								
15	Điều tra xã hội học	2								
16	Xã hội học văn hóa	2								
17	Kỹ năng sống	2								
18	Kỹ năng giao tiếp	2								
19	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2								
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	19								
20	Nhập môn Công tác xã hội	2		2						
21	Lý thuyết Công tác xã hội	2			2					
22	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	2				3				
23	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	3				3				
24	Công tác xã hội nhóm	3					3			
25	Phát triển cộng đồng	3					3			
26	Tham vấn cơ bản	2					2			
27	Quản trị Công tác xã hội	2							2	
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	30								
1.3.1	Các học phần bắt buộc	11								
28	Thực hành tham vấn cơ bản	2						3		
29	Thực hành Công tác xã hội cá	3						3		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	nhân và gia đình									
30	Thực hành Công tác xã hội nhóm	3						3		
31	Thực hành Phát triển cộng đồng	3						3		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 3/7)	9								
32	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	3							9	
33	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	3								
34	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3								
35	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3								
36	Công tác xã hội với Người cao tuổi	3								
37	Ma túy xã hội	3								
38	Quản lý căng thẳng cho nhân viên Công tác xã hội	3								
1.3.3	Thực tập cuối khóa									
39	Thực tập cuối khóa	4								4
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)	6								6
40	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
41	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	3							6	
42	Công tác xã hội với người khuyết tật	3								
43	Công tác xã hội trong bệnh viện	3								
44	Công tác xã hội trong trường học	3								
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24								
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7								
45	Toán cao cấp 1	2	2							
46	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	2						2		
47	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3							
1.4.2	Khoa học chính trị	11								
48	Triết học Mác - Lênin	3		3						
49	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
50	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
51	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2							
52	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2							2	
1.4.3	Pháp luật	2								
53	Pháp luật đại cương	2		2						
1.4.4	Tin học	4								
1.4.2	Khoa học chính trị	11	2							
55	Tin học cơ bản 2	2		2						
1.5	Kiến thức khác ngành	10								
1.5.1	Học phần bắt buộc									
56	Soạn thảo văn bản	2		2						
57	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2								
58	Logic học	2								
59	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	2								
1.5.2	Học phần tự chọn (chọn 1/4)	2								
60	Dân số và môi trường	2			2					
61	Thống kê xã hội	2								
62	Lịch sử văn minh thế giới	2								
63	Bảo hiểm y tế	2								
1.6	Kiến thức đại cương khác	8								
1.6.1	Ngoại ngữ	8								
64	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
65	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
66	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH	3				3				
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)	3								
67	Thể dục - Điền kinh	1								
68	Bóng chuyền 1	1								
69	Bóng chuyền 2	1								
70	Bóng rổ 1	1								
71	Bóng rổ 2	1								
72	Cầu lông 1	1								
73	Cầu lông 2	1								
74	Cờ vua 1	1								
75	Cờ vua 2	1								
76	Cờ vua 3	1								
1.6.3	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
77	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	2								
78	Công tác quốc phòng an ninh	2								
79	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ	3								

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn									
80	Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an	1								
	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	15	15	15	17	15	18	16	10

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

1. Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Công tác xây dựng đời sống văn hóa tại địa phương; Công tác thông tin tuyên truyền; Cách thức triển khai các hoạt động văn hóa, cách tổ chức và quảng bá những nội dung văn hóa, thông tin tuyên truyền chính sách của Nhà nước, của địa phương đến với người dân.

2. Giới và Phát triển

Số tín chỉ: 02

Giới và phát triển cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giới và phát triển: Các khái niệm cơ bản liên quan đến giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, bình đẳng giới trong đời sống xã hội; Các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế; Các kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông và trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển.

3. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

4. Hành vi con người và môi trường xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hành vi con người, môi trường xã hội: Các cách tiếp cận nghiên cứu về HVCN & MTXH; Những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi của con người ở những giai đoạn phát triển.

5. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức

cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

6. Tâm lý học xã hội

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học xã hội cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về các hiện tượng tâm lý xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội; Bản chất, cơ chế hiệu hiện, hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội; Các hiện tượng tâm lý xã hội nhóm.

7. Nhập môn An sinh xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ASXH: Những nội dung cơ bản về ASXH; Các lý thuyết cơ bản về ASXH trên thế giới; Các mô hình, các thể chế về ASXH; Mô hình ASXH qua các thời kỳ.

8. Chính sách xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần bao gồm các nội dung: Chính sách hội trong các mối quan hệ, cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, các điều kiện cần thiết, nội dung và hình thức tổ chức thực hiện chính sách xã hội; Phân tích chính sách và một số chính sách xã hội chủ yếu ở Việt Nam hiện nay.

9. Trợ giúp xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức nền tảng về hoạt động trợ giúp xã hội, lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống chính sách trợ giúp xã hội; Cung cấp những hướng tiếp cận nghiên cứu/ triển khai các hoạt động trợ giúp xã hội.

10. Ưu đãi xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm, ý nghĩa, nội dung và lịch sử hình thành hệ thống chính sách ưu đãi xã hội đối với người có công, đối tượng thụ hưởng, cơ sở xác nhận đối tượng và các chế độ ưu đãi; Tổ chức bộ máy thực hiện chính sách, nguồn tài chính và vận động nguồn lực vào việc chăm sóc, nâng cao đời sống người có công.

11. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học..

12. Xã hội học chuyên biệt

Số tín chỉ: 03

Xã hội học chuyên biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề cụ thể của xã hội dưới góc độ xã hội học: XHH nông thôn, XHH đô thị, XHH giáo dục, XHH gia đình...

13. Pháp luật về các vấn đề xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật về các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

14. Gia đình học

Số tín chỉ: 02

Gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và một hệ thống các khái niệm cơ bản về gia đình; Các nghiên cứu ứng dụng thực tế về gia đình, cũng như các giai đoạn hình thành và phát triển của gia đình qua các thời kỳ; Những vấn đề mà hiện nay gia đình đang gặp phải.

15. Điều tra xã hội học

Số tín chỉ: 02

Học phần đi sâu vào ứng dụng thực nghiệm thông qua các vấn đề xã hội để trang bị cho sinh viên những kiến thức về trình tự các bước tiến hành của một cuộc điều tra xã hội học và những đặc trưng cơ bản của nó.

16. Xã hội học văn hóa

Số tín chỉ: 02

Xã hội học văn hóa cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mối quan hệ giữa hệ thống tự nhiên, con người và văn hóa, đối tượng nghiên cứu của xã hội học văn hóa, một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học văn hóa; Các thành tố cơ bản trong hệ thống văn hóa qua góc nhìn của xã hội học; Sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, tiêu văn hóa, bản sắc văn hóa, sự giao lưu văn hóa và những biến đổi văn hóa.

17. Kỹ năng sống

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng sống trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về kỹ năng sống, tầm quan trọng của kỹ năng sống và kiến thức về một số kỹ năng sống cơ bản.

18. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp,

các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

19. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Số tín chỉ: 02

Học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về sức khỏe cộng đồng, chỉ số đánh giá về sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, các nội dung và phương pháp giáo dục sức khỏe, việc chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng cụ thể cũng như một số sơ cứu thông thường.

20. Nhập môn công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, chức năng nhiệm vụ của CTXH; Lịch sử hình thành ngành công tác xã hội; Các yêu cầu đối với người nhân viên Công tác xã hội.

21. Lý thuyết công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng của các lý thuyết được vận dụng trong công tác xã hội nhằm định hướng cho hoạt động của nhân viên xã hội. Nội dung kiến thức của môn học đi từ việc làm sáng tỏ những khái niệm, tầm quan trọng của lý thuyết trong thực hành công tác xã hội đến các nội dung tổng quan về các lý thuyết can thiệp chung trong công tác xã hội, các lý thuyết về giai đoạn phát triển của con người cũng như thuyết can thiệp về hành vi con người.

22. Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong CTXH, các bước tiến hành nghiên cứu trong CTXH, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; Cách thiết kế nghiên cứu trong CTXH; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu.

23. Công tác xã hội cá nhân và gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội với cá nhân và gia đình: Các khái niệm; Lịch sử hình thành, tầm quan trọng, tiến trình làm việc với cá nhân và gia đình; Các kỹ năng và kỹ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân.

24. Công tác xã hội nhóm

Số tín chỉ: 03

Học phần bao gồm những kiến thức liên quan tới phương pháp làm việc với nhóm trong CTXH: Kiến thức nền tảng cần thiết của CTXH khi làm việc với nhóm, các bước thực hiện trong tiến trình CTXH nhóm; Các kỹ năng, kỹ thuật cần thiết để hỗ trợ nhân

viên CTXH trong việc thành lập, tổ chức, điều hành sinh hoạt nhóm đối tượng nhằm đạt được những mục tiêu xã hội theo kế hoạch đã dự định.

25. Phát triển cộng đồng

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như: Khái niệm phát triển cộng đồng và một số khái niệm có liên quan; Lịch sử hình thành, nguyên tắc hành động, tiến trình làm việc với cộng đồng; Cách áp dụng các phương pháp đánh giá cộng đồng có sự tham gia của người dân để làm phát triển cộng đồng cũng như các cách huy động nguồn lực, các cách truyền thông, xây dựng mạng lưới và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

26. Tham vấn cơ bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn; Các loại hình tham vấn; Các khái niệm; Nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; Các lý thuyết/cách tiếp cận; Quy trình tham vấn và các kỹ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình.

27. Quản trị Công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công tác quản trị trong các tổ chức xã hội hay cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội với hai cấp độ đó là quản trị ở cấp độ nhân viên và quản trị ở cấp độ tổ chức như: Quản lý ca; Công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý và phát triển nguồn nhân lực, lãnh đạo, kiểm huấn; Kiểm tra và các kỹ năng cần thiết để thực hiện quản trị cơ quan.

28. Thực hành tham vấn cơ bản

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp cho sinh viên hệ thống hóa, ôn tập lại và vận dụng những kiến thức cơ bản về tham vấn; Các loại hình bài tập với các phương pháp đa dạng, chuyên sâu mang tính đặc thù của tham vấn; Các hoạt động thực tế tại các trung tâm tham vấn, trung tâm công tác xã hội và các cơ sở có thực hiện tham vấn trực tiếp và tham vấn gián tiếp qua điện thoại, đường dây nóng, online.

29. Thực hành công tác xã hội cá nhân và gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện kỹ năng làm việc với cá nhân và gia đình thông qua hoạt động thực địa: Cách tìm kiếm thân chủ, tiếp nhận thân chủ, thu thập thông tin, xác định vấn đề, lên kế hoạch giải quyết vấn đề, hỗ trợ thân chủ triển khai kế hoạch, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình hỗ trợ, lượng giá các kết quả là được từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho cả sinh viên và thân chủ.

30. Thực hành công tác xã hội nhóm

Số tín chỉ: 03

Học phần thực hành CTXH nhóm giúp sinh viên được trải nghiệm và rèn luyện cách thức vận dụng quy trình CTXH nhóm trong việc thành lập, tổ chức, điều hành sinh hoạt nhóm của một nhóm đối tượng cụ thể trong cộng đồng hoặc trong các cơ sở xã hội.

31. Thực hành phát triển cộng đồng

Số tín chỉ: 03

Sinh viên tiếp cận địa phương và vận dụng các kỹ năng đã học trong học phần phát triển cộng đồng để tiếp cận, thiết lập mối quan hệ, xây dựng công cụ để thực hiện việc thu thập thông tin về cộng đồng một cách hiệu quả; Tổ chức cuộc họp dân để báo cáo về kết quả thu thập thông tin và hỗ trợ người dân xác định được vấn đề bức xúc nhất để cùng nhau xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề; Thực hiện các kỹ năng CTXH nhằm thay đổi nhận thức, tăng cường năng lực cho người dân và cán bộ nòng cốt trong cộng đồng.

32. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết chung về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các kiến thức khái quát về Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, những chính sách, mô hình, dịch vụ trong nước và trên thế giới về công tác bảo vệ trẻ em. Đồng thời học phần cung cấp các hoạt động với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm các hoạt động như nhằm phòng ngừa, chữa trị, phục hồi và phát triển cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

33. Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình, công tác phòng, chống bạo lực gia đình, hệ thống luật pháp, chính sách và mô hình phòng chống bạo lực gia đình trên thế giới và ở Việt Nam; Kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương pháp của công tác xã hội trong hỗ trợ nạn nhân, người gây ra bạo lực gia đình, gia đình nạn nhân bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng, chống bạo lực gia đình.

34. Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

Số tín chỉ: 03

Học phần bao gồm những kiến thức liên quan tới sức khỏe tâm thần, các chính sách, chương trình, mô hình và tình hình chung về sức khỏe tâm thần hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam; Các phương pháp can thiệp trợ giúp người bệnh tâm thần và cách thức trợ giúp những nhóm nguy cơ theo phương pháp can thiệp của công tác xã hội; Tầm quan trọng của chăm sóc bản thân và chăm sóc cho người nhà bệnh nhân tâm thần.

35. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về công tác trợ giúp người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: Kiến thức chung về HIV, các đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người có HIV, vấn đề về kỳ thị và phòng chống kỳ thị với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các kỹ năng làm việc với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ cho người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

36. Công tác xã hội với người cao tuổi

Số tín chỉ: 03

Công tác xã hội với người cao tuổi cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người cao tuổi như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người cao tuổi; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người cao tuổi; Các phương pháp hỗ trợ của công tác xã hội để nâng cao nhận thức và huy động nguồn lực cộng đồng vào công tác chăm sóc, hỗ trợ người cao tuổi.

37. Ma túy và xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma túy, người nghiện ma túy như khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân nghiện; các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề nghiện, các tác động của nghiện ma túy và các biện pháp can thiệp với vấn đề sử dụng ma túy trên thế giới và Việt Nam hiện nay.

38. Quản lý căng thẳng cho nhân viên công tác xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản sau: Khái niệm stress, một số khái niệm liên quan như trầm cảm, cạn kiệt, stress do sang chấn thứ cấp, rối loạn sau sang chấn; Các loại stress; Các yếu tố gây stress; Stress do đặc điểm nghề công tác xã hội; Các dấu hiệu nhận biết stress; Stress của nhân viên công tác xã hội ở một số nước và ở Việt Nam; Các chiến lược ứng phó với stress.

39. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức CTXH đặc thù của sinh viên để hình thành các kỹ năng làm việc với các thân chủ và nhóm thân chủ, cộng đồng, thông qua tiếp cận, thu thập thông tin, xác định vấn đề và nhu cầu, xây dựng kế hoạch, can thiệp và các hoạt động nâng cao năng lực cho các hệ thống thân chủ, hệ thống đích và các hệ thống hành động có liên quan. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng các kiến thức tổng quát trong chương trình đào tạo đã được trang bị tại nhà trường

để tìm hiểu phân tích các chương trình, chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ đối tượng giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu.

40. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Công tác xã hội. Học phần này gồm 3 chương là chương 1: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu; Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị và kết luận. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

41. Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

Số tín chỉ : 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về công tác quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy: Vai trò, yêu cầu và nguyên tắc nền tảng trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy; Các kỹ năng như cần thiết trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy như kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng gắn kết thân chủ, kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực, kỹ năng vận động, kỹ năng giám sát.

42. Công tác xã hội với người khuyết tật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; Các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề khuyết tật; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người khuyết tật; Các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong trợ giúp và làm việc với người khuyết tật.

43. Công tác xã hội trong bệnh viện

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp những tri thức và kỹ năng cần thiết để nhân viên CTXH có thể làm việc được như một thành viên trong đội ngũ đa ngành trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Nội dung môn học được kết cấu thành chương với những khối kiến thức cơ bản liên quan đến: tổng quan về hệ thống chăm sóc sức khỏe, vai trò của nhân viên xã hội... Các dịch vụ hỗ trợ của nhân viên CTXH, cũng như rèn luyện cho người học các kỹ năng thực hành cơ bản trong chăm sóc sức khỏe, trên cơ sở sử dụng các phương pháp chính của nhân viên CTXH

44. Công tác xã hội trong trường học

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH trong học đường: Những vấn đề chung về CTXH trong trường học; Hệ thống trường học và một số vấn đề trong trường học hiện nay; Một số phương pháp và hoạt động của nhân

viên xã hội trường học

45. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

46. Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS

Số tín chỉ: 02

Học phần Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS cung cấp một cách có hệ thống các kỹ năng cần thiết khi phân tích dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, bao gồm: Cách tổ chức và nhập liệu cho các dữ liệu sơ cấp thu thập trong các cuộc điều tra thống kê; Cách trình bày tóm tắt dữ liệu nghiên cứu bằng bảng biểu, đồ thị, đại lượng thống kê...; các phương pháp phân tích dữ liệu trên một biến hoặc nhiều biến kết hợp với nhau.

47. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

48. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

49. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề

chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

50. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người..

51. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung của học phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

52. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

53. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

54. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

55. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

56. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

57. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

58. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

59. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

60. Dân số và môi trường

Số tín chỉ: 02

Dân số môi trường cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân số và môi trường, bao gồm: Quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số; Mức sinh, mức chết và

các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết; Di dân và đô thị hoá; Quan hệ giữa dân số với tài nguyên và môi trường tự nhiên; Giữa dân số với môi trường xã hội, môi trường kỹ thuật đô thị; Dự báo dân số, chính sách dân số, chính sách quản lý môi trường.

61. Thống kê xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội; Quá trình nghiên cứu thống kê xã hội; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng KTXH; Thống kê giáo dục và đào tạo; Thống kê hôn nhân và gia đình; Thống kê y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân ;Thống kê văn hóa thể thao và du lịch; Thống kê an sinh xã hội; Thống kê mức sống dân cư.

62. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: 02

Lịch sử văn minh thế giới là cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

63. Bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHYT: Cơ sở lý luận về Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; Tài chính y tế; Phương pháp xác định phí BHYT và thanh toán chi phí khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT; Chính sách Bảo hiểm y tế ở Việt Nam.

64. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

65. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

66. Tiếng Anh chuyên ngành công tác xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần này bao quát các nội dung tiếng Anh về một số lĩnh vực trong Công tác xã hội như định nghĩa Công tác xã hội, nhân viên Công tác xã hội là ai, tương tác trong Công tác xã hội, giao tiếp trong Công tác xã hội, Công tác xã hội với cá nhân, nhóm và gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em, người già và người cao tuổi ở Việt nam.

67. Thể dục – Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về: Bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

68. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

69. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

70. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

71. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

72. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

73. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức

phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

74. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

75. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản: Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1. Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

76. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

77. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng phương pháp nghiên cứu môn học; Một số quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; Nghệ thuật quân sự của Việt Nam.

78. Công tác quốc phòng và an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

79. Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đội ngũ đơn vị (trung đội); Sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Trung đội bộ binh tiến công; Trung đội bộ binh phòng ngự; Kỹ thuật bắn súng ngắn; Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam

80. Công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội và công an

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Nội dung cơ bản về công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội và Công an; Giới thiệu về tổ chức Đảng trong Quân đội và Công an; Giới thiệu chung về công tác dân vận của Đảng Sản Việt Nam.

2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo

Trong quá trình xây dựng chương trình Công tác xã hội, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo Công tác xã hội trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

Học viện báo chí và Tuyên truyền

Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

Trường đại học Michigan – Hoa Kỳ

2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
Học viện báo chí và Tuyên truyền	Cấu trúc	Tổng: 130 tín chỉ * Khối kiến thức giáo dục đại cương: 44 TC - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC - Khoa học xã hội và nhân văn: 15 TC - Toán và khoa học tự nhiên: 6 TC - Ngoại ngữ: 12 TC * Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 TC - Kiến thức cơ sở ngành: 21 TC - Kiến thức ngành: 19 TC - Kiến thức chuyên ngành: 27 TC Kiến tập: 2 TC Thực tập: 3 TC Khoá luận: 6TC	Tổng: 121 tín chỉ * Kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC + Kiến thức bắt buộc: 27 tín chỉ + Kiến thức tự chọn: 04 tín chỉ * Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC - Kiến thức cơ sở của khối ngành: 08 tín chỉ - Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ - Kiến thức ngành: 50 tín chỉ - Thực tập cuối khóa: 04 tín chỉ - Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 06 tín chỉ	Số lượng TC của ULSA ít hơn. Cụ thể là tập trung ở khối kiến thức giáo dục đại cương là 44 TC so với 31 TC. Số lượng TC này tập trung nhiều hơn vào môn ngoại ngữ (có cả môn học tiếng Trung) và một số môn bổ trợ khác Về số lượng tín chỉ ở khối kiến thức ngành và chuyên ngành chỉ chênh lệch 4 TC nên không có sự khác biệt nhiều. Cụ thể là Có sự khác biệt không đáng kể ở khối kiến thức ngành cốt lõi; Có sự khác biệt không đáng kể ở khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao về

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
				số tín chỉ. Tuy nhiên các môn học có những thay đổi nhất định sẽ được mô tả trong phần nội dung
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: Tiếng Việt thực hành Quản lý kinh tế Phương pháp thu thập và xử lý thông tin Truyền thông với công tác xã hội (truyền thông trực tiếp, TTĐC, mạng xã hội) Thực tế chính trị - xã hội Xã hội học về cơ cấu xã hội Xã hội học quản lý Xã hội học chính trị Xã hội học y tế Xã hội học giáo dục Tổ chức sự kiện Kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển cộng đồng Xây dựng, quản lý và phát triển dự án	Các học phần có tên gọi khác là: Nhập môn An sinh xã hội Ưu đãi xã hội Trợ giúp xã hội Tâm lý học xã hội Sức khỏe cộng đồng Kỹ năng sống Kỹ năng giao tiếp	Chương trình tham khảo có nhiều môn khác nhưng chủ yếu nằm ở các học phần liên quan đến xã hội học. Lý do là vì ngành CTXH của trường nằm trong khoa Xã hội học. Do đó các học phần XHH được nhấn mạnh nhiều hơn. Hơn nữa mỗi cơ sở đào tạo cần có bản sắc/thể mạnh riêng của mình nên khối kiến thức này thường được thiết kế riêng biệt cho mỗi cơ sở đào tạo đó
Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	Cấu trúc	Tổng: 137 tín chỉ Khối kiến thức chung: 16 TC Khối kiến thức theo lĩnh vực: 29 TC Khối kiến thức theo	Tổng: 121 tín chỉ * Kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC + <i>Kiến thức bắt buộc: 27 tín chỉ</i>	Số lượng TC của ULSA ít hơn là 121TC so với 137 TC. Cụ thể số lượng TC ở khối kiến thức khối ngành có sự khác biệt khi có

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
		khối ngành: 27 TC Khối kiến thức của nhóm ngành: 15 TC Khối kiến thức ngành: 50 TC	+ <i>Kiến thức tự chọn: 04 tín chỉ</i> * Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC - Kiến thức cơ sở của khối ngành: 08 tín chỉ - Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ - Kiến thức ngành: 50 tín chỉ - Thực tập cuối khóa: 04 tín chỉ - Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế: 06 tín chỉ	nhiều hơn các môn ngoại ngữ như tiếng Trung Các môn liên quan tới khối kiến thức khối ngành và khối kiến thức theo lĩnh vực cũng nhiều hơn. Số lượng TC chuyên ngành không có nhiều khác biệt vì đều là 50 TC. Do đó mức độ về kiến thức chuyên ngành trong chương trình là tương đối tương đồng.
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng Khoa học quản lý đại cương Nhân học đại cương Quan hệ công chúng đại cương Quản lí ca Tham vấn nguồn nhân lực Tâm lý học hành vi lệch chuẩn Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội Đạo đức nghề nghiệp	Các học phần có tên gọi khác là: Lịch sử văn minh thế giới Pháp luật về các vấn đề xã hội Nhập môn An sinh xã hội Ưu đãi xã hội Trợ giúp xã hội Tâm lý học xã hội Sức khỏe cộng đồng Kỹ năng sống Kỹ năng giao tiếp	Chương trình tham khảo có nhiều môn khác nhưng chủ yếu nằm ở các học phần liên quan đến khối kiến thức đại cương. Khối kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành khá tương thích (khoảng 90%). Chỉ có một số môn khác biệt là các môn hướng tới nghiên cứu và xử lý số liệu trong CTXH vì đó là một trong những đặc thù và thế mạnh của trường tham khảo. Còn với ULSA thì tập trung

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
		Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn Kiểm huấn trong công tác xã hội Thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội Thiết kế can thiệp trong công tác xã hội		nhiều hơn vào các môn liên quan tới chính sách và an sinh xã hội.

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
Trường đại học Michigan – Hoa Kỳ	Cấu trúc	Tổng số tín chỉ: 130 Tuy nhiên cách phân chia chương trình đào tạo của chương trình học có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể chương trình học được phân chia thành các mảng sau: Kiến thức nền tảng; Kiến thức về nghiên cứu, Kiến thức liên quan tới thực hành; Kiến thức liên quan tới lập kế hoạch, quản trị và chính sách; Các kiến thức nâng cao và tích luỹ cho bậc học cao học	Tổng số tín chỉ: 121 * Kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC + <i>Kiến thức bắt buộc: 27 tín chỉ</i> + <i>Kiến thức tự chọn: 04 tín chỉ</i> * Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC - Kiến thức cơ sở của khối ngành: 08 tín chỉ - Kiến thức cơ sở ngành: 22 tín chỉ - Kiến thức ngành: 50 tín chỉ - Thực tập cuối khóa: 04 tín chỉ - Khoá luận tốt nghiệp hoặc học	Như vậy về cấu trúc cách phân chia chương trình đào tạo của 2 trường có sự khác biệt đáng kể. Ngoài khối kiến thức nền tảng thì những khối kiến thức khác trường Michigan đã phân chia theo cấu trúc của các lĩnh vực liên quan tới đặc thù CTXH. Các mảng kiến thức về lý thuyết, thực hành, nghiên cứu cũng như quản trị chính sách được phân chia cụ thể làm rõ nét tính chất của một chương trình CTXH.

			phần thay thế: 06 tín chỉ	
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: Biến đổi xã hội và phân tích cộng đồng Chuyên đề về văn hoá, dân tộc và bất bình đẳng trong thực hành CTXH Lượng giá thực hành CTXH CTXH với gia đình và trẻ em nâng cao CTXH nâng cao trong một số lĩnh vực Lãnh đạo và quản lý trong dịch vụ con người Thực hành và thực hành nâng cao trong lĩnh vực chính sách xã hội, lập kế hoạch và quản trị	Các học phần có tên gọi khác là: Hầu hết các môn kiến thức đại cương là khác biệt so với chương trình của trường Michigan Ưu đãi xã hội Trợ giúp xã hội Tâm lý học xã hội Sức khoẻ cộng đồng Kỹ năng sống Kỹ năng giao tiếp Lý thuyết CTXH Đạo đức nghề CTXH	Về nội dung học phần của 2 chương trình có những điểm khác biệt nhất định. Cụ thể là chương trình của trường Michigan do cách phân chia đi theo lĩnh vực của CTXH nên có nhiều môn học tách nhỏ ra đi theo các lĩnh vực này. Có một số môn thuộc về kiến thức nền tảng của CTXH như lý thuyết và đạo đức nghề CTXH thì được nhập lại vào các môn học khác chứ không tách biệt rạch ròi như của ULSA. Ngoài ra họ đều có các môn thực hành và nâng cao trong các lĩnh vực phân chia còn chương trình ULSA rải đều cho các khối kiến thức. Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình vẫn có sự đảm bảo tương đồng về nội dung. Sự khác biệt là do cách phân chia chương trình.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Trưởng khoa CTXH, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhập mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 01 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng